

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2012**

**Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2013**

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: **Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3**  
Năm báo cáo: **Năm 2012**

## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301475102
- Vốn điều lệ: 33.810.000.000<sup>d</sup> (Ba mươi ba tỷ tám trăm mười triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 33.810.000.000<sup>d</sup> (Ba mươi ba tỷ tám trăm mười triệu đồng)
- Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm Phường 7 Quận 3 Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 08.22211169
- Số fax: 08.39307938
- Website: [www.pecc3.com.vn](http://www.pecc3.com.vn)
- Mã cổ phiếu : TV3

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công Ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là Phòng Thiết kế điện trực thuộc Công ty Điện lực miền Nam (1975), do nhu cầu phát triển nguồn và lưới điện nên ngày 13/2/1979 Bộ Điện và Than đã có QĐ số: 04/ĐT/TCCB thành lập Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thay thế cho Phòng Thiết kế điện của Công ty Điện lực miền Nam. Đến ngày 7/5/1986 Bộ Điện Lực có QĐ số: 128/ĐL/TCCB cho đổi tên Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thành Trung tâm Năng lượng trực thuộc Công ty Điện lực 2 (tên mới của Công ty Điện lực Miền Nam).
- Năm 1995, ngay sau khi thành lập Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (1995), Trung tâm Năng lượng được tách từ Công ty Điện lực 2 chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam theo QĐ số: 429/ĐVN-TCCB-LĐ ngày 24/6/1995
- Ngày 7/4/1999 theo QĐ số: 17/1999/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, quyết định chuyển Trung tâm Năng lượng thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- Ngày 26/1/2007 theo QĐ số: 335/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tư vấn xây dựng điện 3 thành Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên của Công ty đã được thực hiện ngày 01 tháng 12 năm 2009.

Trải qua 34 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 không ngừng lớn mạnh, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, nhờ đó đã được Nhà nước tặng 01 Huân chương Độc lập hạng nhì, 01 Huân chương Độc

lập hạng ba, 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 Huân chương Lao động hạng Nhì và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương.

### 3. **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- a) Lập qui hoạch phát triển điện lực các huyện, tỉnh, thành phố và qui hoạch phát triển các dự án nhà máy điện: thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, và năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt).
- b) Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu các dự án nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, năng lượng tái tạo; dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án đường dây tải điện và trạm biến áp.
- c) Khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn xây dựng công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, công trình dân dụng và công nghiệp,
- d) Thiết kế, lập tổng dự toán công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp); công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông); thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc và thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình giao thông cầu - đường bộ;
- đ) Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định tổng dự toán và hồ sơ mời thầu... các dự án xây dựng nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và công trình dân dụng và công nghiệp
- e) Giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi, công trình nhà máy điện: thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân và năng lượng tái tạo; công trình dân dụng và công nghiệp, đường dây tải điện và trạm biến áp.
- g) Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp
- h) Giám sát thi công và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông cầu - đường bộ;
- i) Giám sát công tác khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn các công trình xây dựng nhà máy điện, lưới điện dân dụng và công nghiệp
- k) Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, dân dụng và công nghiệp.
- l) Thi công khoan phụt bê tông, khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng.
- m) Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất.
- n) Thí nghiệm đất, đá, cát, nước, bê tông, thép và các loại vật liệu xây dựng khác
- o) Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, năng lượng tái tạo và các công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp
- p) Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng.
- q) Đo đạc bản đồ địa hình, địa chất, và vẽ bản đồ địa chính, chuyên ngành, Atlas...
- r) Khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế công trình viễn thông

- s) Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường, di dân tái định cư, đo đạc giải thửa, đền bù giải phóng mặt bằng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp.
- t) Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp.
- u) Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- v) Kinh doanh bất động sản.

- Địa bàn kinh doanh:

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có địa bàn kinh doanh trên toàn lãnh thổ nước Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á

#### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có cơ cấu tổ chức như sau:

- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc;
- Khối các đơn vị quản lý gồm 3 đơn vị là: phòng Tổ chức – nhân sự; phòng Kế hoạch – kinh doanh và phòng Tài chính - kế toán;
- Khối các phòng phục vụ và quản lý kỹ thuật gồm 2 đơn vị: Văn phòng Công ty và phòng Kỹ thuật & quản lý chất lượng;
- Khối các phòng vừa quản lý kỹ thuật vừa sản xuất gồm 3 đơn vị: phòng Máy tính & môi trường; Phòng Kỹ thuật khảo sát và phòng Thiết kế thủy văn;
- Khối các phòng trực tiếp sản xuất–tư vấn các dự án lưới điện gồm 4 đơn vị: phòng Dự án lưới điện; phòng Thiết kế trạm; phòng Thiết kế đường dây và phòng Tư vấn đền bù;
- Khối các phòng trực tiếp sản xuất – tư vấn các dự án nguồn điện gồm 8 đơn vị: phòng Dự án nguồn điện; phòng Thiết kế thủy điện 1; phòng Thiết kế thủy điện 2 phòng Cơ điện; phòng Kinh tế dự toán; Ban Tư vấn giám sát Đồng Nai 3; Ban Tư vấn giám sát Đồng Nai 4; Ban Tư vấn giám sát Đồng Nai 5; Ban Tư vấn giám sát Bản Chát
- Khối các đơn vị trực thuộc Công ty (Chi nhánh công ty).
  - + Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát và xây dựng điện.

Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm - Phường 7 - Quận 3 Tp. Hồ Chí Minh

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện. Thiết kế công trình điện năng ( nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế )

+ Chi nhánh miền Trung:

Địa chỉ: Đường 23 tháng 10 - Phường Vĩnh Hiệp – Tp. Nha Trang

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện ( thủy điện, nhiệt điện, nguồn và lưới điện) dự án xây dựng

công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường. Lập tổng dự toán các công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nguồn và lưới điện, cascade công trình xây dựng dân dụng. Đo đạc khảo sát địa hình xây dựng công trình truyền tải điện. Thiết kế các công trình điện năng, công trình thủy lợi. Giám sát thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

+ Văn phòng đại diện tại Hà Nội - Đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế điện miền Bắc.

Địa chỉ: 36A ngõ 1150 Đường Láng – Phường Láng Thượng – Quận Đống Đa – Hà Nội

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Thay mặt Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 giao dịch với khách hàng. Lập Báo cáo đầu tư, Dự án đầu tư và thiết kế cơ sở, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, bản vẽ thi công bao gồm nhưng không giới hạn bởi các lĩnh vực như sau:

- Công trình thủy điện, thủy lợi, tài nguyên nước
- Làm tư vấn cho Công ty trong việc đánh giá, lựa chọn các thông số cơ bản, các lựa chọn tối ưu cho công trình

## 5. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

PECC3 sẽ trở thành nhà cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng công trình năng lượng và công nghiệp uy tín, chuyên nghiệp tại Việt Nam và khu vực.

PECC3 cung cấp các giải pháp xây dựng hiệu quả và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chuyên nghiệp với đội ngũ có năng lực cao, tinh thần đồng đội, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tăng trưởng doanh thu hợp lý: bình quân đầu người tăng từ 15% đến 25% mỗi năm.
- Tăng trưởng lợi nhuận: tăng dần từ 7% lên 15%.
- Thực hiện được dịch vụ cho khách hàng đa dạng.
  - + Tỷ trọng dịch vụ cho khách hàng ngoài ngành năng lượng tăng dần lên 20%.
  - + Độ nhận biết của khách hàng về dịch vụ PECC3.
- Tham gia thiết kế các công trình điện theo hình thức EPC.
- Các hệ thống quản lý cốt lõi được áp dụng hiệu quả.
  - + Phát triển thị trường và chăm sóc khách hàng.
  - + Quản lý dự án.
  - + Quản lý tri thức & phát triển năng lực đội ngũ.

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Nghiên cứu mở rộng thị trường tạo thêm nhiều việc làm và cải thiện đời sống cho người lao động.
- Tích cực tuyên truyền vận động cộng đồng và xã hội thực hiện chính sách tiết kiệm điện và ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo.

## 6. Các rủi ro:

- Các sản phẩm của Công ty hiện đang có sự cạnh tranh gay gắt bởi các công ty Tư vấn trong nước và quốc tế
- Tình hình kinh tế trong nước và quốc tế đang gặp khó khăn, các dự án xây dựng cơ bản chưa được đáp ứng một cách đầy đủ về nguồn vốn.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bước vào thực hiện kế hoạch năm 2012, công ty gặp rất nhiều khó khăn trong công tác kinh doanh:

- Các dự án lớn không huy động được nguồn vốn thực hiện dẫn đến chậm trễ trong việc triển khai và tư vấn phải chờ việc.
- Tình hình đầu tư vào các dự án nguồn điện của các chủ đầu tư ngoài ngành điện hầu như chững lại.
- Từ khó khăn về công việc nêu trên đã dẫn đến tình hình cạnh tranh gay gắt và việc tìm kiếm hợp đồng đã trở nên vô cùng khó khăn.

#### a- Kế hoạch 2012

• Giá trị doanh thu kế hoạch năm 2012:	180.017 triệu đồng
+ Trong đó: Khảo sát:	36.767 triệu đồng
QH&DAĐT&Thiết kế&GSTC:	142.250 triệu đồng
Doanh thu khác/Thu nhập tài chính:	1.000 triệu đồng

#### b- Về doanh thu đạt được trong năm 2012:

• Giá trị doanh thu thực hiện năm 2012:	194.497 triệu đồng
Trong đó: Khảo sát:	38.716 triệu đồng
QH&DAĐT&Thiết kế&GSTC:	153.851 triệu đồng
Thu nhập tài chính & thu nhập khác:	1.930 triệu đồng

Doanh thu đạt 108,04 % kế hoạch 2012

Kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

Lợi nhuận sau thuế đạt: 12.144 triệu đồng.

#### c- Các chỉ tiêu tài chính:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2012	Thực hiện 2012	So sánh TH/KH
1	Vốn điều lệ	33.810	33.810	
2	Tổng doanh thu	180.017	194.497	108,04%
3	Lợi nhuận trước thuế	17.000	16.138	94,93%
4	Lợi nhuận sau thuế	12.750	12.144	95,25%
5	Cổ tức	20%		

## 2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

### a) Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc;

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1962;

Nơi sinh: 870 Trần Hưng Đạo, Quận 5, Sài Gòn;  
Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật; chuyên ngành điện.  
Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1987: Tốt nghiệp Kỹ sư điện, chuyên ngành Điện khí hóa và Tự động hóa khai thác mỏ tại trường Đại học Mỏ Mátxcova.

Năm 2003: Tốt nghiệp Trung cấp chính trị - TT Bồi dưỡng Chính trị ĐUK Bộ Công nghiệp, (đang học lớp Cao cấp chính trị do Đảng ủy khối doanh nghiệp công nghiệp trung ương tại thành phố Hồ Chí Minh tổ chức)

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác: 25 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 12/2007: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 4/2003: Trưởng phòng Thiết kế trạm Công ty Tư vấn XD điện 3;

Từ 1997 đến 1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

Từ 1988 đến 1997: Nhân viên Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

**b) Ông Tôn Thất Hùng: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc;**

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1961;

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành hệ thống điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1983: Tốt nghiệp Kỹ sư Điện - Đại học Bách khoa Đà Nẵng;

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Đà Nẵng.

Năm 2008: Tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Quá trình công tác: 30 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 3/1999 đến 12/2007: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế miền Trung Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1992 đến 3/1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

Từ 1983 đến 1992: Nhân viên phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện  
Nha Trang;

**c) Ông Đỗ Quốc Toàn – Phó Tổng Giám đốc**

Sinh ngày: 16 tháng 6 năm 1953;

Nơi sinh: Hà Nội

Học vị: Kỹ sư thủy lợi

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1976: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành thủy lợi tại Đại học Thủy lợi Hà Nội

Nhiều năm: Các lớp đào tạo ngoại ngữ; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm cho chuyên ngành thiết kế thủy lợi, thủy điện

Quá trình công tác: 36 năm công tác trong đó 20 năm trong ngành điện

Từ 01/01/2008 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2001 đến 12/2007: Tr. phòng Thủy công 3 Công ty Tư vấn xây dựng điện 2;

Từ 1997 đến 2000: Tr. phòng Thủy điện Đa Mi Công ty Tư vấn xây dựng điện 2;

Từ 1991 đến 1996: Phó Trưởng phòng thiết kế Công ty Tư vấn xây dựng điện 2;

Từ 1976 đến 1990: Viện Thiết kế Thủy lợi thủy điện ( Hà Nội), VP B2 Bộ Thủy lợi

**d) Ông Trần Lê Minh – Phó Tổng Giám đốc**

Sinh ngày: 02 tháng 3 năm 1966

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Học vị: Kỹ sư điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1989: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Hệ thống điện tại Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh;

Thạc sỹ quản trị kinh doanh (năm 2010) do đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức.

Nhiều năm: Các lớp đào tạo ngoại ngữ; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm cho chuyên ngành thiết kế điện, hệ thống điện

Quá trình công tác: 23 năm công tác trong ngành điện.

Từ 01/02/2009 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 2009: Trưởng Phòng Dự án nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2003: Phó Trưởng phòng Dự án Nguồn Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1990 đến 1999: Phòng Dự án Nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

**e) Ông Phạm Hoàng Vinh: Trưởng phòng Tài chính –Kế toán**

Sinh ngày: 26 tháng 10 năm 1971

Nơi sinh: Tp. HCM

Học vị: Cao đẳng kinh tế.

Quốc tịch: Việt Nam;



Quá trình đào tạo:

Năm 1995: Tốt nghiệp Cao đẳng chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Nhiều năm: Các lớp đào tạo về tài chính; về quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm kế toán;

Quá trình công tác: 18 năm công tác trong ngành điện.

Từ 01/12/2007 đến nay: Trưởng phòng TCKT Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2005 đến 2007: Trưởng Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2005: Phó Trưởng phòng TCKT Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1995 đến 1999: Nhân viên Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có sự thay đổi
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.
- + Tổng số lao động tính đến 31 tháng 12 năm 2012 là: 586 người;
- + Các chế độ, chính sách đối với người lao động hiện đang áp dụng như đối với Công ty Nhà nước;

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Công ty đang tham gia góp vốn vào Công ty cổ phần EVN Quốc tế và Công ty cổ phần phong điện Thuận Bình với số vốn góp đến thời điểm 31/12/2012 lần lượt là 3,15 tỷ đồng và 1,3 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty còn mua 43.600 cổ phiếu của CHP (Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam) với giá trị là 220,79 triệu đồng.

### 4. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	173.003	188.238	108,88%
Doanh thu thuần	212.096	192.567	90,79%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22.903	17.317	75,61%
Lợi nhuận khác	(3.102)	(1.179)	38,01%
Lợi nhuận trước thuế	19.800	16.138	81,51%
Lợi nhuận sau thuế	14.819	12.144	81,95%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%		

#### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn : TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,28	1,26	

+ Hệ số thanh toán nhanh : (TSLĐ - HTK)/Nợ ngắn hạn	1,01	1,08	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,67	0,65	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,86	2,00	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho :	7,08	8,65	
<u>Giá vốn hàng bán</u>			
+ Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,23	1,02	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,99%	6,31%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,25	0,19	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,57%	6,45%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	10,80%	8,99%	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần 3.381.000 cổ phần trong đó có 14 cổ phiếu quỹ số còn lại là cổ phần được chuyển nhượng tự do

Danh sách người đại diện phần vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam

- Thái Tuấn Tài:	20.21%
- Tôn Thất Hùng:	14.28%
- Đỗ Tiến Hùng:	14.28%

(Từ ngày 01/2/2013 ông Đỗ Tiến Hùng nghỉ hưu trí và ENV cử người thay thế là ông Phạm Văn Thuận. HĐQT Công ty đã có nghị quyết số 0027/NQ-HĐQT ngày 07/2/2013 thống nhất vấn đề này.)

### b) Cơ cấu cổ đông:

Vốn điều lệ và tỷ lệ cổ phần của các cổ đông:

- Vốn điều lệ công ty:	33.810,00 triệu đồng
- Trong đó vốn nhà nước (EVN):	16.491,57 triệu đồng
- Vốn của Tổng Công ty điện lực TP. HCM:	4.221,39 triệu đồng
- Vốn của các cổ đông khác:	13.097,04 triệu đồng

## Cổ đông thành viên góp vốn nước ngoài

Họ tên	Số ĐKNSH	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng CP
Ishizuka Yosuke	TH4991344	Kanagawa-ken, Yokohama-shi, Kohoku-ku Hiyoshi-Hocho 6-31-2-103	Japan	115
Wataru Miyazawa	TF2075343	6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan	Japan	115
Willem Stuive	IS1412	Sluispolderweg 11, 1505, HJ Zanndam, NL	Netherlands	18.000
Yamazaky Atsushi	ISO469	165 Ongi, Yotsukaido-si, Chiba- Ken, Japan	Japan	100
Maybank Kim Eng Securities	CS2385	50 Noth Canal Road, 306-00 Singapore 059304	Singapore	10.400

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2012 không có sự thay đổi của vốn đầu tư của chủ sở hữu
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Hiện nay số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là 14 cổ phiếu và trong năm 2012 không có giao dịch cổ phiếu quỹ được thực hiện.
- e) Các chứng khoán khác: trong năm 2012 Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 không phát hành thêm chứng khoán.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bước vào thực hiện kế hoạch năm 2012, bên cạnh những thuận lợi như các công việc từ năm 2011 chuyển sang công ty gặp rất nhiều bất lợi trong công tác kinh doanh:

- Do tình hình kinh tế khó khăn, nên các dự án lớn không huy động được nguồn vốn thực hiện dẫn đến chậm trễ trong việc triển khai và tư vấn phải chờ việc.
- Tình hình đầu tư vào các dự án nguồn điện của các chủ đầu tư ngoài ngành điện hầu như chững lại.
- Từ khó khăn về công việc nêu trên đã dẫn đến tình hình cạnh tranh gay gắt và việc tìm kiếm công việc làm đã trở nên vô cùng khó khăn.

Mặc dù có vô vàn những khó khăn trên, Công ty đã cố gắng nỗ lực hoàn thành vượt mức kế hoạch các mục tiêu nhiệm vụ đề ra của kế hoạch năm 2012.

#### 2. Những thành quả nổi bật đã đạt được:

##### a) Nhiệt điện:

- Nhà máy điện Nghi Sơn 1: năm 2012, PECC3 đã cùng với các tư vấn nước ngoài J-Power Nhật bản, Colenco Thụy Sĩ, giúp EVN giám sát và quản lý dự án gói thầu EPC nhà máy chính đúng theo tiến độ đề ra. Trình EVN phê duyệt bổ sung chi phí tư vấn giám sát do dự án kéo dài tiến độ trong quá trình thương thảo hợp đồng EPC.

- Hoàn thành nghiệm thu kỹ thuật công tác khảo sát địa chất khoan biển dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận 1 giai đoạn 1. Hiện đang chuẩn bị nhân lực và máy móc để triển khai khảo sát giai đoạn 2.
- Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê, Cơ sở hạ tầng TTĐL Duyên Hải, Công ty đã và đang phối hợp chặt chẽ với các Chủ đầu tư, Ban quản lý và nhà thầu thi công phê duyệt một khối lượng lớn các BVTC, thực hiện giám sát thi công, đảm bảo tiến độ cũng như chất lượng thi công các công trình này.
- Ký kết hợp đồng tư vấn phụ với AF – triển khai thực hiện dự án Nhiệt điện Ô Môn IV chờ Chủ đầu tư ký hiệp định vay vốn và triển khai thực hiện.
- Ký hợp đồng lập DAĐT Nhiệt điện Duyên Hải 3 MR đã hoàn thành nộp dự án đầu tư hiện EVN đang thẩm tra xem xét.
- Xúc tiến, đàm phán hợp đồng với tổ hợp Marubeni/KEPCO cùng thực hiện dự án đầu tư dự án nhiệt điện Nghi Sơn 2. Hiện đang chờ kết quả và phản hồi từ Marubeni Corp.
- Xúc tiến ký kết các thỏa thuận để triển khai thực hiện quy hoạch địa điểm Trung tâm Điện lực Quảng Trị. Dự kiến cuối tháng 3/2013 sẽ đệ trình báo cáo quy hoạch địa điểm
- Triển khai công tác giám sát dự án nhiệt điện Duyên Hải 3 đã khởi công vào tháng 12/2012.
- Một loạt các dự án Nhiệt điện đang được xúc tiến để ký kết hợp đồng trong thời gian sắp tới.

b) Thủy điện:

- Hoàn thành báo cáo đầu tư thủy điện Tích năng Mộc Châu vào năm 2012, sau nhiều lần được EVN thẩm tra và hiệu chỉnh, hiện nay báo cáo đã trình lên Bộ Công Thương chờ phê duyệt.
- Triển khai giám sát thi công dự án thủy điện Đòng Nai 5 150MW do Điện lực TKV làm chủ đầu tư.
- Trúng thầu và ký kết hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị thủy điện Xêkamán 1 – Lào thời gian thực hiện 2013 đến 2016.
- Dự án thủy điện Sông Bung 2 đang thiết kế bản vẽ thi công cấp cho Chủ đầu tư triển khai theo tiến độ.
- Công trình thủy điện Sông Giang 2 - 37MW: Công ty đã cơ bản hoàn thành TKBVTC-DT cho toàn bộ công trình và thực hiện tốt công tác giám sát tác giả.
- Hoàn thành khảo sát và DAĐT thủy điện Nậm Mô 1 –Lào. Đã báo cáo chủ đầu tư và các cơ quan chức năng của Lào trong tháng 04/12.
- Hoàn thành dự án đầu tư Thủy điện Thác Ba 18 MW– đang chờ chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện các bước tiếp theo.
- Tiếp tục thực hiện hàng loạt dự án thủy điện nhỏ như: Nậm Hoá 1, Nậm Hóa 2, Văn Phong, ....

c) Về lưới điện:

- TKKT dự án đường dây 500kV TTĐL Long Phú – Ô Môn; DAĐT đường dây 500kV Sông Hậu – Mỹ Tho, Bắc Ninh 2-Phố Nối.
- Chuẩn bị thực hiện dự án đầu tư đường dây 220KV Bình Phước – Tân Sơn Nhất và Trạm 220KV Tân Sơn Nhất.

- BVTC Đường dây 220KV Đắk Nông - Phước Long - Bình Long hoàn thành và đóng điện ngày 28/12/2012. Đường dây Bắc Ninh 2 - Phố Nối đã đang được triển khai xây dựng.

d) Về quy hoạch:

Hoàn thành lập quy hoạch phát triển điện gió quốc gia tầm nhìn đến 2020. Hiện đang chờ Bộ Công Thương phê duyệt.

Hoàn thành công tác quy hoạch phát triển lưới điện Vùng Tây Nguyên và phụ cận giai đoạn 2012-2020 hiện đang chờ Bộ Công Thương phê duyệt.

e) Dự án Năng lượng tái tạo:

Hoàn thành thực hiện dự án đầu tư Phong điện Hòa Thắng – Bình Thuận 120 MW.

Hoàn thành quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2010-2015 có xét đến năm 2020 đã được Bộ Công Thương Phê duyệt; hoàn thành quy hoạch phát triển điện năng lượng tái tạo tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020 cả 2 đề án quy hoạch này đang trình Bộ Công Thương phê duyệt.

### 3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tài sản của Công ty biến động tăng chủ yếu là khoản phải thu khách hàng. Khoản nợ phải thu tăng ngoài nguyên nhân do khách hàng chậm thanh toán, còn do doanh thu của Công ty phát sinh nhiều trong tháng 12/2012 (89 tỷ đồng, chiếm 46,35% doanh thu năm). Để dự phòng rủi ro nợ xấu phải thu của khách hàng, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tăng 2 tỷ đồng so với năm trước nên cũng đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ phải trả cuối năm tăng 12,4% số với đầu năm do doanh thu phát sinh nhiều trong tháng 12/2012 đã làm các khoản phải trả về thuế và các khoản chi phí phải trả tương ứng với doanh thu hạch toán tăng.

### 4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a) Cải tiến cơ cấu tổ chức:

- Tháng 8/2012 đã sáp nhập: 02 phòng TKTĐ 1 và TKTĐ2 thành phòng TKTĐ; Phòng KTKS và P.TKTV thành phòng Kỹ thuật khảo sát
- Chuyển một số nhân sự văn thư từ các đơn vị trực tiếp sang văn phòng Công ty để thực hiện công tác văn thư chung. Chuyển bộ phận in ấn về Văn phòng Công ty để dễ quản lý

b) Chính sách quản lý:

- Ban hành bộ Quy tắc ứng xử và cải tiến một số mục trong Quy chế lương của Công ty

### 5. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục phát huy thế mạnh về sản phẩm truyền thống của công ty là dịch vụ tư vấn khảo sát thiết kế các dự án điện.
- Tăng cường các mối quan hệ với các Sở Công thương các tỉnh để ký hợp đồng thực hiện công tác tư vấn quy hoạch phát triển điện lực huyện.
- Thực hiện tốt các sản phẩm tư vấn nguồn điện với khách hàng lớn là Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Than khoáng sản Việt nam và các khách hàng mới là các Tổng Công ty Phát Điện chuẩn bị ra đời.
- Phối hợp với các đơn vị xây lắp và cung cấp thiết bị để thực hiện các dự án EPC trong nước cũng như các nước trong khu vực.

**6. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:**

Không có giải trình (Công ty kiểm toán chấp nhận toàn phần)

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2012 là năm hoạt động thứ 5 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với những điều kiện thuận lợi và khó khăn như sau:

**a- Thuận lợi:**

- Năm 2012 là năm Công ty kế thừa những thành công của năm 2011, nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho những hoạt động sản xuất và kinh doanh cũng như tinh thần lao động của toàn thể người lao động trong Công ty.
- Ban điều hành luôn đoàn kết, có đủ năng lực, tinh thần trách nhiệm cao, luôn hết lòng vì quyền lợi của Công ty. Đồng thời Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư giàu kinh nghiệm và nhiệt tình công tác, nhờ đó đã tạo nên động lực quan trọng góp phần tích cực vào việc hoàn thành vượt mức KH 2012.

**b- Khó khăn:**

- Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu nói chung và Việt nam nói riêng đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhiều dự án đang được tiến hành nhưng do thiếu vốn nên bị dừng lại hoặc gián tiến độ đầu tư làm ảnh hưởng đến công tác khảo sát, thiết kế của Công ty..
- Sự cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế thị trường và của các công ty tư vấn trong ngành điện cũng là một thách thức to lớn đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Lãnh đạo cũng như toàn thể NLD trong công ty.

Với những thuận lợi và khó khăn nêu trên, HĐQT đã lãnh đạo Công ty tận dụng mọi cơ hội để tìm kiếm việc làm đồng thời phấn đấu vượt qua mọi thử thách để thực hiện thành công KHSX và KHTC đã được ĐHCĐ năm 2012 thông qua.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:**

- a) Đặc điểm của Ban điều hành Công ty là tất cả các thành viên trong Ban điều hành đều năng động, giỏi chuyên môn, nhiệt tình trong công việc, không ngại khó, dám nghĩ dám làm, và đặc biệt là đoàn kết nội bộ cao đã là nền tảng của mọi thành công của Công ty trong năm 2012.
- b) Ban điều hành đã duy trì các cuộc họp tiến độ với nội dung đi vào chiều sâu, vào chất lượng và tiến độ của từng dự án nên đã đáp ứng được các yêu cầu

của khách hàng. Kết quả doanh thu năm 2012 là 194,488 tỷ đạt 108,04 % so với kế hoạch năm 2011 và lợi nhuận sau thuế đạt: 12,144 tỷ đồng.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

#### a) Kế hoạch công tác:

HĐQT chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành Công ty để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2013, với các chỉ tiêu mà ĐHCĐ sẽ thông qua trong kỳ Đại hội dự kiến sẽ được tổ chức vào ngày 18 tháng 04 năm 2013.

#### b) Các hoạt động khác:

- HĐQT tiếp tục chỉ đạo Công ty nghiên cứu các phương án để đầu tư và/hoặc sử dụng có hiệu quả khu đất tại Quận 2, TP.HCM (2.380m<sup>2</sup>), khu đất tại Đà Nẵng (1.000m<sup>2</sup>).
- Giải quyết và ban hành kịp thời các chính sách, quy định trong các lĩnh vực mới phát sinh nhằm đáp ứng tốt công tác quản lý của Công ty.

#### c) Biện pháp thực hiện:

- Duy trì các hoạt động của HĐQT và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong việc quản lý Công ty.
- Hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành cũng như tìm kiếm thêm việc làm cho công ty bằng cách ban hành kịp thời các quy chế, quy định về quản lý để áp dụng trong Công ty
- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và nhắc nhở Ban điều hành để công tác quản lý đạt hiệu quả cao nhất.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- **Ông Thái Tuấn Tài:** Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc, là người đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với tỷ lệ cổ phần là 20,1% vốn điều lệ của công ty

- **Ông Đỗ Tiến Hùng:** Thành viên Hội đồng quản trị, là người đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với tỷ lệ cổ phần là 14,28% vốn điều lệ của công ty.

(Từ ngày 01/2/2013 ông Đỗ Tiến Hùng nghỉ hưu trí và ENV cử người thay thế là ông Phạm Văn Thuận. HĐQT Công ty đã có nghị quyết số 0027/NQ-HĐQT ngày 07/2/2013 thống nhất vấn đề này.)

- **Tôn Thất Hùng:** Thành viên Hội đồng quản trị, kiêm phó Tổng Giám đốc công ty, là người đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với tỷ lệ cổ phần là 14,28% vốn điều lệ của công ty

- **Nguyễn Minh Chiến:** Thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Ông Chiến kết thúc nhiệm kỳ ngày 27 tháng 4 năm 2012

- **Nguyễn Phú Gia:** Thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Ông Gia bắt đầu nhiệm kỳ ngày 27 tháng 4 năm 2012.
  - **Lê Văn Thu:** Thành viên Hội đồng quản trị, là người đại diện phần vốn của Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh tại Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với tỷ lệ cổ phần là 12,48% vốn điều lệ của công ty. Hiện nay ông Thu đang nắm giữ chức vụ Trưởng Ban Tài chính kế toán, kế toán trưởng Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh.
- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có các tiểu ban thuộc HĐQT.
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.
- d) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban Tổng Giám đốc  
Mỗi hai tuần một lần đại diện của HĐQT đều tham dự cuộc họp giao ban sản xuất do Tổng Giám đốc chủ trì với sự tham dự của các trưởng đơn vị và Giám đốc các Chi nhánh.
- e) Các cuộc họp của HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch HĐQT	05	100%	
2	Ông Nguyễn Minh Chiến	Ủy viên thường trực HĐQT	02	40%	Đã hết nhiệm kỳ trong hai cuộc họp sau (từ ngày 27/4/2012)
3	Ông Tôn Thất Hùng	Ủy viên HĐQT	04	80%	
4	Ông Đỗ Tiến Hùng	Ủy viên HĐQT	05	100%	
5	Ông Lê Văn Thu	Ủy viên HĐQT	04	80%	
6	Nguyễn Phú Gia	Ủy viên HĐQT	03	60%	Mới tham gia nhiệm kỳ từ 27/4/2012

- f) Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	0011 /NQ-HĐQT	16/ 01/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HĐQT thống nhất tạm giao đơn giá tiền lương năm 2012.</li> <li>- HĐQT thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012.</li> <li>- HĐQT chấn chỉnh công tác quản lý của Chi nhánh Xí nghiệp khảo sát và xây dựng điện.</li> </ul>
2	0041/NQ-HĐQT	05 /04 /2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 vào ngày 27/04/2012.</li> <li>- Duyệt đơn giá tiền lương và định mức lao động năm 2012</li> <li>- Duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm</li> </ul>



			<p>2012.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua quy tắc ứng xử của Công ty.</li> <li>- Thông qua chủ trương đầu tư “lấn trại phục vụ công tác giám sát thi công nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3”</li> <li>- Chấp nhận cho ông Trương Phước Nguyên thôi giữ chức Giám đốc Chi nhánh XNKS&amp;XD Đ</li> <li>- Bổ sung vào “quy chế tổ chức ĐHCĐ” một số biểu mẫu.</li> <li>- Điều chỉnh điều 5.3 của “ Quy chế bầu thành viên HĐQT và bổ nhiệm cán bộ quản lý”</li> <li>- Điều chỉnh điều 2.2.1(đoạn 3) trong “quy chế trả lương”</li> </ul>
3	0104/NQ-HĐQT	21/05/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử và giới thiệu ông Tôn Thất Hùng là người đại diện phần vốn của PECC3 và tham gia ứng cử Ủy viên HĐQT công ty CP Phong điện Thuận Bình thay cho ông Nguyễn Minh Chiến.</li> </ul>
4	0134/NQ-HĐQT	20/07/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sắp xếp một số phòng ban của Công ty để tinh giảm bộ máy</li> <li>- Bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Hoan làm Giám đốc Chi nhánh XNKS &amp; XDD</li> <li>- Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Long làm Thư ký Công ty nhiệm kỳ 2012-2017</li> </ul>
5	0172/NQ-HĐQT	19/10/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao Tổng Giám đốc lập kế hoạch cho công tác nghiệm thu sản lượng để đảm bảo kế hoạch 2012</li> <li>- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký quyết định tái bổ nhiệm ông Tôn Thất Hùng giữ chức vụ phó TGD và lưu nhiệm ông Đỗ Quốc Toàn giữ chức vụ phó TGD đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2013</li> </ul>

- g) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.
- h) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị
- i) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.
- Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch Hội đồng quản trị
  - Ông Tôn Thất Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị

## 2. Ban Kiểm soát

- a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

TT	Họ & Tên	Chức vụ	Số CMND	Đ/chi	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Trương Thị Anh Đào	Trưởng BKS	024654756	18D4 Phan Chu Trinh, P.2, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	1.127	0,033%
2	Nguyễn Chí Hoàng	Thành viên BKS (bắt đầu nhiệm kỳ từ 27-4-2012)	021949853	36 đường 4, KP4, P.An Phú, Q2, TP.HCM	2.625	0,078%
3	Phạm Duy Hải	Thành viên BKS (bắt đầu nhiệm kỳ từ 27-4-2012)	021862015	383B/37 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q.I, Tp.HCM	3.450	0,102%
4	Trần Thị Khiêm	Trưởng BKS (kết thúc nhiệm kỳ từ 27-4-2012)	023038874	1-3 lô A9, Xô viết Nghệ Tĩnh, P.26, Bình Thạnh, TP.HCM	3.220	0,095%
5	Đặng Thị Khánh Bình	Thành viên BKS (kết thúc nhiệm kỳ từ 27-4-2012)	020486317	201, C/C Lê Hồng Phong, P.1, Q.10, TP.HCM	4.025	0,119%

**b) Hoạt động Ban kiểm soát**

Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 cũng như tuân thủ các quy định khác của pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 27-04-2012.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số buổi họp của ban lãnh đạo về kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2012.
- Giám sát theo dõi việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đúng theo quy định của pháp luật quy định.
- Đã đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 bao gồm giai đoạn soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2012 và báo cáo tài chính cả 2012.
- Kiểm soát báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và báo cáo năm 2012 của Công ty nhằm đánh giá tính hợp lý và chính xác của các số liệu tài chính.
- Kiểm soát báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và báo cáo năm của hai (02) chi nhánh hạch toán phụ thuộc trực thuộc Công ty bao gồm Chi nhánh xí nghiệp khảo sát và xây dựng điện và Chi nhánh miền Trung.
- Giám sát tình hình quản lý công nợ tạm ứng và ký kết các hợp đồng thuê thầu phụ tại hai (02) Chi nhánh.

- Góp ý đề xuất Hội đồng quản trị xem xét dự thảo điều chỉnh điều lệ công ty, quy chế quản trị nội bộ, ... phù hợp với Thông tư 121/2012/TT-BTC ban hành ngày 26-7-2012 qui định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng có hiệu lực từ ngày 17-9-2012, thay thế Quyết định 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 để trình đại hội cổ đông thường niên năm 2013.
- Đồng ý kiến với Hội đồng quản trị về sơ đồ tổ chức Công ty và hệ hống lương trong việc cải tiến hệ thống quản lý Công ty nhằm nâng cao hiệu suất kinh doanh, đảm bảo tính công bằng trong nội bộ và tính cạnh tranh so với thị trường để thu hút nhân lực, khuyến khích nhân viên tận tâm hoàn thành tốt công việc nhằm phát triển công ty ngày càng bền vững.
- Trong năm 2012, BKS được cung cấp đầy đủ thông tin về các nghị quyết của Hội đồng quản trị, các quyết định thực thi nghị quyết của Ban Tổng giám đốc; đồng thời nhận được sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát của mình.
- Ban kiểm soát luôn trao đổi thông tin trong các vấn đề liên quan đến Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và các phòng ban trực tiếp để thực hiện nhiệm vụ được giao.

c) Các biên bản của Ban Kiểm soát

1	Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/BB-BKS	01/06/2012	Đánh giá công tác 3 tháng đầu năm 2012 và kế hoạch 9 tháng cuối năm 2012
2	08/BB-BKS	05/02/2013	Đánh giá công tác năm 2012 và kế hoạch công tác 6 tháng năm 2013

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát phát sinh tại Công ty như sau:

❖ Hội đồng quản trị:

- Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch HĐQT kiêm TGD: 527.314.000 đồng
- Ông Tôn Thất Hùng – UVHĐQT kiêm Phó TGD: 372.705.082 đồng
- Ông Nguyễn Minh Chiến – UV HĐQT: 248.875.342 đồng
- Ông Lê Văn Thu – UV HĐQT: 81.600.000 đồng
- Ông Đỗ Tiến Hùng – UV HĐQT: 81.600.000 đồng
- Ông Nguyễn Phú Gia – UV HĐQT: 44.000.000 đồng

❖ Ban Tổng giám đốc:

- Ông Đỗ Quốc Toàn – Phó Tổng giám đốc: 395.784.612 đồng
- Ông Trần Lê Minh – Phó Tổng giám đốc: 299.022.400 đồng

❖ Ban Kiểm soát:

- Bà Trương Thị Anh Đào – Trưởng Ban kiêm nhiệm: 183.854.963 đồng
- Ông Nguyễn Chí Hoàng – Thành viên kiêm nhiệm: 375.499.136 đồng

• Ông Phạm Duy Hải – Thành viên kiêm nhiệm: 245.274.085 đồng

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Trong năm 2012 không có giao dịch cổ phiếu của các cổ đông nội bộ
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm 2012 không có hợp đồng giao dịch với các cổ đông nội bộ
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã đáp ứng được các yêu cầu của pháp luật về các quy định về quản trị công ty.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.»

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>158.264.817.082</b>	<b>142867008686</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>23.885.713.980</b>	<b>24.946.433.456</b>
1. Tiền	111		9.814.725.580	4.001.225.856
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.070.988.400	20.945.207.600
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>104.987.687.099</b>	<b>81.932.580.989</b>
1. Phải thu khách hàng	131		105.595.111.823	77.949.000.621
2. Trả trước cho người bán	132		5.687.128.566	7.164.127.500
3. Các khoản phải thu khác	135		326.870.811	1.465.802.681
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.621.424.101)	(4.646.349.813)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>22.264.593.924</b>	<b>29.975.158.435</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>6</b>	22.264.593.924	29.975.158.435
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.126.822.079</b>	<b>6.012.835.806</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		108.291.490	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>7</b>	7.018.530.589	6.012.835.806
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>29.973.094.382</b>	<b>30.136.225.021</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.452.735.862</b>	<b>23.469.817.737</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	10.727.817.306	10.832.832.067
- Nguyên giá	222		36.547.420.184	35.230.711.729
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.819.602.878)	(24.397.879.662)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>9</b>	12.413.728.276	12.325.795.390

- Nguyên giá	228		16.030.208.411	15.588.308.411
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.616.480.135)	(3.262.513.021)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		311.190.280	311.190.280
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.670.790.000</b>	<b>4.570.790.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	4.670.790.000	4.570.790.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.849.568.520</b>	<b>2.095.617.284</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.696.568.520	2.085.617.284
2. Tài sản dài hạn khác	268		153.000.000	10.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>188.237.911.464</b>	<b>173.003.233.707</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MÃ SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>125.491.580.126</b>	<b>112.584.618.733</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>125.491.580.126</b>	<b>111.621.573.453</b>
1. Vay ngắn hạn	311	11	3.288.826.179	2.975.785.094
2. Phải trả người bán	312		4.652.797.533	3.508.412.325
3. Người mua trả tiền trước	313		38.898.660.011	47.689.489.527
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	11.491.685.373	10.251.444.813
5. Phải trả người lao động	315		38.648.386.149	22.894.971.258
6. Chi phí phải trả	316	13	10.756.779.287	6.243.075.903
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	15.843.512.527	14.549.851.966
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.910.933.067	3.508.542.567
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>963.045.280</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	963.045.280
<b>B. NGUỒN VỐN (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>62.746.331.338</b>	<b>60.418.614.974</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>62.746.331.338</b>	<b>60.418.614.974</b>
1. Vốn cổ phần	411		33.810.000.000	33.810.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.000.000	45.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(140.000)	(140.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	654.377.899
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.043.345.835	5.979.250.722
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.704.059.240	2.519.059.240
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.144.066.263	17.411.067.113
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>188.237.911.464</b>	<b>173.003.233.707</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
Ngoại tệ các loại				
- Đô la Mỹ (USD)			12.814,10	12.666,93
- Euro (Eur)			183.113,43	177.008,68

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2012</b>	<b>2011</b>
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	17	192.566.931.517	212.096.226.163
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		192.566.931.517	212.096.226.163
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	18	149.228.354.862	164.699.741.781
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		43.338.576.655	47.396.484.382
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.134.684.817	1.248.900.767
6. Chi phí tài chính	22	21	391.963.496	503.049.488
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>388.675.361</i>	<i>502.607.908</i>
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.764.649.583	25.239.820.976
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		17.316.648.393	22.902.514.685
9. Thu nhập khác	31		795.059.563	1.574.004.172
10. Chi phí khác	32		1.973.635.870	4.676.502.985
11. Lỗ từ hoạt động khác (40=31-32)	40	22	(1.178.576.307)	(3.102.498.813)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.138.072.086	19.800.015.872
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	3.994.005.823	4.980.753.969
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		12.144.066.263	14.819.261.903
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>24</b>	<b>3.437</b>	<b>4.383</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>16.138.072.086</b>	<b>19.800.015.872</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.775.690.330	2.680.742.720
- Các khoản dự phòng	03	1.975.074.288	11.576.449
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(524.927.169)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(598.733.377)	(1.092.590.964)
- Chi phí lãi vay	06	388.675.361	502.607.908
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>19.153.851.519</b>	<b>21.902.351.985</b>
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(26.657.774.761)	8.635.215.004
- Thay đổi hàng tồn kho	10	7.710.564.511	4.943.717.347
- Thay đổi các khoản phải trả	11	11.514.049.665	(7.732.129.524)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	389.048.764	(221.102.908)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(388.675.361)	(502.607.908)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.746.244.832)	(6.075.817.933)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	132.382.000	303.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.086.991.500)	(3.038.807.460)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4.020.210.005</b>	<b>18.213.818.603</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(2.445.582.500)	(3.938.912.428)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	173.399.957
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(100.000.000)	(220.790.000)
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	598.733.377	897.776.519
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.946.849.123)</b>	<b>(3.088.525.952)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	9.261.727.846	4.694.499.174
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.948.686.761)	(7.813.800.296)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(3.453.048.000)	(3.150.964.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.140.006.915)</b>	<b>(6.270.265.122)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(1.066.646.033)</b>	<b>8.855.027.529</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>24.946.433.456</b>	<b>15.997.069.972</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.926.557	94.335.955
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>23.885.713.980</b>	<b>24.946.433.456</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm 54.545.455 đồng (năm 2011: 741.519.500 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông trong năm không bao gồm 7.009.105.000 đồng (năm 2011: 3.700.181.000 đồng) là số tiền cổ tức đã công bố nhưng chưa thanh toán cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

# **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301475102 ngày 17 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Xây dựng điện 3 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 1 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức niêm yết trên Sở Giao chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TV3.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:



## **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## **Công cụ tài chính**

### ***Ghi nhận ban đầu***

#### ***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, và các khoản ký quỹ.

#### ***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

## **Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh của các dịch vụ khảo sát, thiết kế chưa hoàn thành và chưa được xác định doanh thu.

## **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

## **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm. Tài sản cố định vô hình khác là giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty cho mục đích cổ phần hóa tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2005 và được khấu hao trong thời gian 10 năm.

## **Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến bốn năm.

## **Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một năm.

Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ dự phòng các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn do giảm giá các khoản đầu tư này hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

### **Ghi nhận doanh thu**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm, được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư tiền gửi và lãi suất được hưởng.

### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

### **Chi phí đi vay**

Các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế

hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định số thuế thu nhập phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	191.644.695	255.604.452
Tiền gửi ngân hàng	9.623.080.885	3.745.621.404
Các khoản tương đương tiền	14.070.988.400	20.945.207.600
	<b>23.885.713.980</b>	<b>24.946.433.456</b>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn là 1 tháng và 3 tháng kể từ ngày gửi tiền với lãi suất là 8%/năm và 9%/năm (năm 2011: 6% và 14%) tùy thuộc vào kỳ hạn gửi cho khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam, lãi suất 0,5%/năm (năm 2011: 0,5%) cho khoản tiền gửi bằng đô la Mỹ, và lãi suất 1,2%/năm (năm 2011: 0,6%) cho khoản tiền gửi bằng đồng Euro.

Như trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tại các ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

## 6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	153.386.164	151.261.449
Công cụ, dụng cụ	2.808.017	2.603.197
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.108.399.743	29.821.293.789
	<b>22.264.593.924</b>	<b>29.975.158.435</b>

## 7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác thể hiện số dư tạm ứng cho nhân viên để thực hiện dự án.

## 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 1/1/2012	7.737.893.922	10.651.233.741	13.698.453.332	3.143.130.734	35.230.711.729
Tăng trong năm	-	926.405.455	-	390.303.000	1.316.708.455
Tại ngày 31/12/2012	7.737.893.922	11.577.639.196	13.698.453.332	3.533.433.734	36.547.420.184

## GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 1/1/2012	2.094.992.970	8.735.509.592	10.848.751.349	2.718.625.751	24.397.879.662
Khấu hao trong năm	321.642.000	460.175.983	424.131.780	215.773.453	1.421.723.216
Tại ngày 31/12/2012	2.416.634.970	9.195.685.575	11.272.883.129	2.934.399.204	25.819.602.878

## GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2012	5.321.258.952	2.381.953.621	2.425.570.203	599.034.530	10.727.817.306
Tại ngày 31/12/2011	5.642.900.952	1.915.724.149	2.849.701.983	424.504.983	10.832.832.067

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 14.960.216.087 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 13.312.581.864 đồng).

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy tính <u>VND</u>	Khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 1/1/2012	11.531.625.992	1.695.117.698	2.361.564.721	15.588.308.411
Tăng trong năm	<u>396.900.000</u>	<u>45.000.000</u>	<u>-</u>	<u>441.900.000</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>11.928.525.992</u>	<u>1.740.117.698</u>	<u>2.361.564.721</u>	<u>16.030.208.411</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 1/1/2012	441.524.075	1.640.206.586	1.180.782.360	3.262.513.021
Khấu hao trong năm	<u>86.860.642</u>	<u>30.950.000</u>	<u>236.156.472</u>	<u>353.967.114</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>528.384.717</u>	<u>1.671.156.586</u>	<u>1.416.938.832</u>	<u>3.616.480.135</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2012	<u>11.400.141.275</u>	<u>68.961.112</u>	<u>944.625.889</u>	<u>12.413.728.276</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>11.090.101.917</u>	<u>54.911.112</u>	<u>1.180.782.361</u>	<u>12.325.795.390</u>

*Quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn với nguyên giá là 8.299.560.992 đồng và quyền sử dụng đất có thời hạn là 50 năm với nguyên giá là 3.628.965.000 đồng.*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.628.517.698 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.628.517.698 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 3.628.965.000 đồng và

3.114.861.625 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 3.628.965.000 đồng và 3.187.440.925 đồng) để đảm bảo cho khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

#### 10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	1.300.000.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung	220.790.000	220.790.000
	<u>4.670.790.000</u>	<u>4.570.790.000</u>

Đầu tư dài hạn khác bao gồm khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ góp 0,86% vốn điều lệ, góp vốn vào Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình với tỷ lệ góp vốn là 10%, đầu tư vốn vào Công Ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung với tỷ lệ 0,036%. Hiện tại, Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có khoản tổn thất đáng kể nào đối với khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của công ty này. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng không cần thiết trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này.

#### 11. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	2.803.826.179	2.975.785.094
Nhân viên Công ty	485.000.000	-
	<u>3.288.826.179</u>	<u>2.975.785.094</u>

#### Vay ngắn hạn thể hiện:

- Khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng ngày 7 tháng 9 năm 2012. Thời hạn vay là 6 tháng và lãi suất là 9%/năm. Công ty hoàn trả nợ gốc vào ngày đáo hạn của các khoản vay và thanh toán lãi vay vào ngày 25 hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập trên cơ sở hợp đồng tín dụng hạn mức số 26/2012/95234 ngày 8 tháng 5 năm 2012. Theo đó, Công ty có thể rút bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ với mức dư nợ tối đa là 20.000.000.000 đồng với thời hạn rút vốn trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất ở

Quận 2 (xem Thuyết minh số 9), toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ của Công ty tại các ngân hàng (xem Thuyết minh số 5), và các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng để đảm bảo cho khoản vay này.

- Các khoản vay tín chấp từ các nhân viên Công ty theo các Hợp đồng huy động vốn số 015/HĐHĐV-2012 ngày 15 tháng 12 năm 2012, số 016/HĐHĐV-2012 ngày 15 tháng 12 năm 2012, số 017/HĐHĐV-2012 ngày 22 tháng 12 năm 2012, và số 018/HĐHĐV-2012 ngày 29 tháng 12 năm 2012. Thời hạn vay là 3 tháng và lãi suất là 9,5%/năm. Công ty hoàn trả nợ gốc và thanh toán lãi vay vào ngày đáo hạn của các khoản vay. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.

## 12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.932.018.025	6.875.397.962
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.418.053.700	3.170.292.709
Thuế thu nhập cá nhân	141.613.648	205.754.142
	<u>11.491.685.373</u>	<u>10.251.444.813</u>

## 13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí thuê ngoài để thực hiện dự án	10.658.071.086	6.114.375.903
Chi phí hoạt động khác	<u>98.708.201</u>	<u>128.700.000</u>
	<u>10.756.779.287</u>	<u>6.243.075.903</u>

## 14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	3.643.109.270	2.750.545.760
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	144.557.701	135.806.082
Cổ tức phải trả	7.009.105.000	3.700.181.000
Khoản phải trả tập đoàn	-	2.142.405.593



Lương, chi phí khoán công trình phải trả	2.758.798.002	1.621.406.838
Phải trả khác	2.287.942.554	4.199.506.693
	<b>15.843.512.527</b>	<b>14.549.851.966</b>

## 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2012 Cổ nhân	31/12/2011 Cổ nhân
Số lượng cổ phần được phép phát hành	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	14	14
Số lượng cổ phần đang lưu hành	3.380.986	3.380.986

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 33.810.000.000 đồng (năm 2011: 33.810.000.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Số vốn đã góp VND	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn điện lực Việt Nam	16.491.570.000	48,78
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	4.221.390.000	12,49

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 1/1/2011	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	440.588.522	3.379.250.722	1.349.059.240	16.881.777.210	55.905.535.694
lịch tỷ giá	-	-	-	213.789.377	-	-	-	213.789.377
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	14.819.261.903	14.819.261.903
Trích lập quỹ	-	-	-	-	2.600.000.000	1.170.000.000	(7.528.000.000)	(3.758.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(6.761.972.000)	(6.761.972.000)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>33.810.000.000</b>	<b>45.000.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>654.377.899</b>	<b>5.979.250.722</b>	<b>2.519.059.240</b>	<b>17.411.067.113</b>	<b>60.418.614.974</b>
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(654.377.899)	-	-	-	(654.377.899)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	12.144.066.263	12.144.066.263
Trích lập quỹ (*)	-	-	-	-	7.064.095.113	1.275.000.000	(10.649.095.113)	(2.310.000.000)
Chi quỹ (**)	-	-	-	-	-	(90.000.000)	-	(90.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	-	(6.761.972.000)	(6.761.972.000)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>33.810.000.000</b>	<b>45.000.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>-</b>	<b>13.043.345.835</b>	<b>3.704.059.240</b>	<b>12.144.066.263</b>	<b>62.746.331.338</b>

(\*) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi, và Quỹ thường Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành của Công ty với số tiền lần lượt là 7.064.095.113 đồng, 1.275.000.000 đồng, 2.103.000.000 đồng, và 207.000.000 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 0087/NQ-TVD3-ĐHĐCD thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2012. Cũng theo Nghị quyết số 0087 này, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức năm 2011 với số tiền là 6.761.972.000 đồng.

(\*\*) Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt Biên bản xử lý các công trình bị phạt hợp đồng số 3733/BB-TVĐ3. Theo đó, Công ty đã sử dụng Quỹ dự phòng tài chính để bù đắp các khoản tiền phạt với số tiền là 90.000.000 đồng.

**16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 là cung cấp dịch vụ tư vấn khảo sát và tư vấn thiết kế. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở thuyết minh số 17 và số 18 phần thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam và một số nước trong khu vực.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận”, và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**17. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn khảo sát	38.668.972.802	64.171.025.627
Doanh thu dịch vụ tư vấn thiết kế	153.897.958.715	147.925.200.536
	<u>192.566.931.517</u>	<u>212.096.226.163</u>

**18. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn khảo sát	33.490.188.003	50.827.042.751
Giá vốn dịch vụ tư vấn thiết kế	115.738.166.859	113.872.699.030
	<u>149.228.354.862</u>	<u>164.699.741.781</u>

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.959.945.511	2.630.969.482
Chi phí nhân công	102.793.744.722	99.950.500.736
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.775.690.330	2.680.742.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.619.816.623	80.299.411.253
Chi phí khác	7.572.612.688	5.557.288.760
	<u>171.721.809.874</u>	<u>191.118.912.951</u>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi	598.733.377	897.776.519

Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	524.927.169	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.024.271	351.124.248
	<u>1.134.684.817</u>	<u>1.248.900.767</u>

## 21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền vay	388.675.361	502.607.908
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.288.135	-
Chi phí khác	-	441.580
	<u>391.963.496</u>	<u>503.049.488</u>

## 22. LỖ TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2012 VND	2011 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	197.900.457
Chi phí trả thừa của những năm trước	401.272	1.142.823.690
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	772.089.080	-
Thu khác	22.569.211	233.280.025
	<u>795.059.563</u>	<u>1.574.004.172</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	3.086.012
Chi phí các công trình không ký hợp đồng và chi phí sau nghiệm thu	1.550.427.209	4.665.392.342
Chi phí phạt do chậm tiến độ	246.810.486	-
Chi khác	176.398.175	8.024.631
	<u>1.973.635.870</u>	<u>4.676.502.985</u>
<b>Lỗ từ hoạt động khác</b>	<b><u>-1.178.576.307</u></b>	<b><u>-3.102.498.813</u></b>

## 23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	16.138.072.086	19.800.015.872
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-343.561.366	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu	181.512.572	-

trừ		123.000.002
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>15.976.023.292</b>	<b>19.923.015.874</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.994.005.823</b>	<b>4.980.753.969</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại bởi vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

#### 24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tính trong năm tài chính trên cơ sở các số liệu sau:

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận sau thuế	12.144.066.263	14.819.261.903
Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(524.927.169)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.619.139.094	14.819.261.903
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	3.380.986	3.380.986
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.437</b>	<b>4.383</b>

#### 25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.494.545.455	1.566.690.908

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	1.374.545.455	1.543.612.121
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	1.374.545.455
	<b>1.374.545.455</b>	<b>2.918.157.576</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện khoản tiền phải trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến hợp đồng thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3 với chi phí thuê hàng tháng là 114.545.455 đồng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Thời hạn thuê là 2 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

## 26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.885.713.980	24.946.433.456
Phải thu khách hàng	98.973.687.722	73.302.650.808
Các khoản ký quỹ	153.000.000	106.000.000
	<b><u>123.012.401.702</u></b>	<b><u>98.355.084.264</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay ngắn hạn	3.288.826.179	2.975.785.094
Phải trả người bán và phải trả khác	11.661.902.533	9.350.998.918
Chi phí phải trả	10.756.779.287	6.243.075.903
	<b><u>25.707.507.999</u></b>	<b><u>18.569.859.915</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và

ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, và rủi ro thanh khoản.

#### ***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### ***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ phải trả	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	3.811.506.046	3.682.988.090	2.014.413.255	-
Euro (EUR)	350.734.090	345.579.184	-	-

#### ***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ***

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2012 VND	2011 VND
Đô la Mỹ (USD)	179.709.279	368.298.809
Euro (EUR)	<u>35.073.409</u>	<u>34.557.918</u>

### ***Quản lý rủi ro lãi suất***

Tổng hợp số liệu của khoản tài sản tài chính hưởng lãi (các khoản tương đương tiền) của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 5 của Thuyết minh báo cáo tài chính. Chính sách của công ty là duy trì các khoản tương đương tiền hưởng lãi suất cố định.

Công ty cũng chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay.

### ***Quản lý rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng, rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện ở số dư của khoản mục “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” trên Bảng cân đối kế toán.

### ***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các cổ đông đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở tài sản và công nợ thuần.



	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1- 5 năm <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
<b><u>31/12/2012</u></b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.885.713.980	-	23.885.713.980
Phải thu khách hàng	98.973.687.722	-	98.973.687.722
Các khoản ký quỹ dài hạn	-	153.000.000	153.000.000
	<b><u>122.859.401.702</u></b>	<b><u>153.000.000</u></b>	<b><u>123.012.401.702</u></b>

<b><u>31/12/2012</u></b>			
Vay ngắn hạn	3.288.826.179	-	3.288.826.179
Phải trả người bán và phải trả khác	11.661.902.533	-	11.661.902.533
Chi phí phải trả	10.756.779.287	-	10.756.779.287
	<b><u>25.707.507.999</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>25.707.507.999</u></b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b><u>97.151.893.703</u></b>	<b><u>153.000.000</u></b>	<b><u>97.304.893.703</u></b>

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1- 5 năm <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
<b><u>31/12/2011</u></b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.946.433.456	-	24.946.433.456
Phải thu khách hàng	73.302.650.808	-	73.302.650.808
Các khoản ký quỹ dài hạn	96.000.000	10.000.000	106.000.000
	<b><u>98.345.084.264</u></b>	<b><u>10.000.000</u></b>	<b><u>98.355.084.264</u></b>

<b><u>31/12/2011</u></b>			
Vay ngắn hạn	2.975.785.094	-	2.975.785.094
Phải trả người bán và phải trả khác	9.350.998.918	-	9.350.998.918
Chi phí phải trả	6.243.075.903	-	6.243.075.903
	<b><u>18.569.859.915</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>18.569.859.915</u></b>

<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>79.775.224.349</b>	<b>10.000.000</b>	<b>79.785.224.349</b>
-------------------------------------	-----------------------	-------------------	-----------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## 27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2012</u> <u>VND</u>	<u>2011</u> <u>VND</u>
<b>Cung cấp dịch vụ</b>		
Ban QLDA các Công trình điện Miền Nam	45.967.440.260	45.125.275.696
Ban QLDA Thủy điện 1	15.948.578.150	16.846.113.500
Ban QLDA các Công trình điện Miền Bắc	15.716.450.886	2.668.897.726
Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung	12.230.218.189	20.202.965.612
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	12.029.421.092	10.938.145.094
Ban QLDA Thủy điện 6	8.895.120.298	28.131.682.995
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	7.153.940.141	1.621.042.606
Ban QLDA Lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh	5.898.801.519	(142.592.217)
Công ty Truyền tải Điện 4	3.488.336.381	1.308.764.615
Công ty Thủy Điện Sông Tranh	3.018.778.751	-
Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	2.963.907.295	4.023.234.196
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	2.339.614.613	2.144.115.149
Ban QLDA Thủy điện 5	2.143.289.687	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	1.373.949.544	3.628.561.092
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	1.057.475.826	362.780.909
Công ty Truyền tải Điện 3	880.850.876	4.174.860.897
Công ty Thủy điện Trị An	866.000.000	1.593.926.101
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	557.597.273	-
Ban QLDA các Công trình Điện tỉnh Đồng Nai	535.004.004	389.146.525
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	502.562.745	-
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	487.255.193	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Phú Mỹ	455.431.525	-
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	398.307.454	334.543.696
Ban QLDA Nhiệt điện 3	312.283.636	6.991.568.982
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	177.272.727	1.061.089.595
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	174.427.845	5.466.850

Ban QLDA Nhiệt điện 2	78.956.037	2.622.838.182
Công ty Truyền tải Điện 1	42.019.293	152.242.727
Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc Gia	420.756	372.952.750
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	4.049.897.879
Công ty Truyền tải Điện 2	-	607.962.035
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	-	538.821.435
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	-	154.545.455
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	-	127.272.727

#### **Chia cổ tức**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam	<u>3.298.314.000</u>	<u>3.298.314.000</u>
----------------------------	----------------------	----------------------

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi	<u>1.995.539.224</u>	<u>2.703.777.986</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải thu thương mại</b>		
Ban QLDA các Công trình điện Miền Nam	37.860.471.206	26.196.976.996
Ban QLDA Thủy điện 1	9.211.078.012	2.150.907.162
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	8.405.771.024	3.681.749.424
Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc Gia - Công ty Truyền tải Điện 4	3.006.126.749	1.396.394.956
Ban QLDA các Công trình điện Miền Bắc	2.847.588.851	4.581.355.023
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	1.914.263.193	740.777.327
Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung	1.856.182.608	9.971.169.254
Ban QLDA Thủy điện 6	1.758.910.589	3.923.718.736
Ban QLDA Thủy điện 3	1.736.424.322	1.570.391.490
Ban QLDA Nhiệt điện 2	1.480.784.622	1.467.425.981
Công ty Truyền tải Điện 2	1.168.655.555	1.168.655.555
Công ty Thủy điện Trị An	952.600.000	821.101.450
Ban QLDA Thủy điện 5	725.335.264	51.628.600
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	521.886.916	657.886.455
Ban QLDA các Công trình điện tỉnh Đồng Nai	509.085.815	554.291.975
Công ty Truyền tải Điện 3	507.987.751	135.275.581
Ban QLDA Lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh	481.888.070	268.794.939

<b>Minh - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh</b>		
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	479.128.000	479.128.000
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	445.977.413	112.620.413
Công ty Truyền tải Điện 1	213.688.222	167.467.000
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đà Nẵng	207.091.690	152.406.522
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	156.573.704	-
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	152.650.147	30.550.656
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Phú Mỹ	140.974.677	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	112.000.000	112.000.000
Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	14.246.200	14.246.200
Ban QLDA vay vốn ADB	1.410.549	1.410.549
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	-	669.945.579
Ban QLDA Nhiệt điện 3	-	309.350.000
Điện lực Vĩnh Long	-	78.250.163
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	-	16.289.913
<b>Người mua ứng tiền trước</b>		
Ban QLDA Nhiệt Điện 3	8.949.262.097	798.592.097
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	4.442.987.971	5.556.282.214
Ban QLDA Lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	3.042.467.737	2.305.102.339
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	1.690.674.750	4.385.083.669
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	1.096.804.443	2.636.847.767
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	827.479.574	1.467.028.810
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	763.405.402	381.702.701
Công ty Mua Bán điện (EPTC)	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	211.500.000	138.000.000
Công ty Cổ phần ĐTPT Điện Miền Trung	207.000.000	-
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	143.095.004	205.012.140
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	113.403.000	-
Ban QLDA các công trình điện tỉnh Đồng Nai	87.386.000	-
Trung tâm Điều độ Thông tin (HCMPC)	76.605.000	76.605.000
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Phú Mỹ	61.900.000	167.500.000

Điện lực Bình Dương	44.597.000	44.597.000
Trung tâm Tư vấn Xây dựng Điện - HCM PC	12.899.005	12.899.005
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	12.500.000	82.271.138
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	-	4.466.928.000
Ban QLDA Thủy Điện 1	-	602.884.808
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	-	551.500.000
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	-	415.000.000
Ban QLDA Thủy Điện 5	-	248.000.000
Ban QLDA Lưới điện Đồng Nai - Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	-	200.061.000
Điện lực Trà Vinh	-	12.302.950
<b>Phải trả thương mại</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	60.824.300	60.824.300
<b>Ứng trước cho người bán</b>		
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mí	1.350.500.000	1.350.500.000
Trung tâm Công nghệ Thông tin – Chi nhánh Công ty Trung tâm Viễn thông Điện lực	29.000.000	-
<b>Phải trả cổ tức</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.596.628.000	3.298.314.000

Ghi chú: Toàn bộ báo cáo tài chính đã kiểm toán được đăng trên địa chỉ Website:  
[www.pecc3.com.vn](http://www.pecc3.com.vn)

Tp. Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 3 năm 2013

